

Số: /TC-STP

Lai Châu, ngày 29 tháng 7 năm 2024

## THÔNG CÁO BÁO CHÍ

**Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2024**

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024, như sau:

### I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành **26** văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

#### \* Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2030.

3. Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2022 -2023 đến hết năm học 2025 – 2026.

5. Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

**\* Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu.

2. Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 Ban hành Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Văn hóa và thông tin thuộc UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 Quy định Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

4. Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

5. Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 Bãi bỏ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

6. Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 Bãi bỏ Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về giao số lượng, bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

7. Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 Quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

8. Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

9. Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập,

gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

10. Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 Ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

12. Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

13. Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

14. Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

15. Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 Sửa đổi, bổ sung một số Quyết định do UBND tỉnh ban hành về lĩnh vực quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

16. Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh Lai Châu.

17. Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

18. Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra tỉnh Lai Châu

19. Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

20. Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 Ban hành Quy chế phối hợp quản lý, vận hành Cùm thông tin điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

21. Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 Ban hành Quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

## **II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH**

Trên cơ sở thông tin do các Sở, ngành cung cấp, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của **26** văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024 như sau:

**1. Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.**

**1.1 Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2024.

Điều khoản chuyển tiếp: Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

### **1.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 16/4/2016 về Quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Tuy nhiên, ngày 10/01/2023 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, theo đó một số nội dung quy định

tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ đã hết hiệu lực thi hành. Tại khoản 1, Điều 2 Thông tư 03/2023/TT-BTC quy định "Các định mức lập dự toán kinh phí NSNN quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng NSNN. Căn cứ quy định tại thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ và các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương...."

Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, theo đó hệ số chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ tại Điều 5 và dự toán tiền công lao động trực tiếp tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN hết hiệu lực thi hành.

Theo Công văn số 1160/KtrVB-KT ngày 06/12/2023 của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn, xác định thẩm quyền ban hành văn bản thì thẩm quyền quyết định định mức xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. Do đó, việc ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh là cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật.

#### b) Mục đích ban hành

Việc ban hành chính sách Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh làm căn cứ để xây dựng dự toán mức chi đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở, đảm bảo công khai, minh bạch, thống nhất và phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành và thực tế khả năng ngân sách được giao.

### ***1.3 Nội dung chủ yếu***

Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND gồm 06 Điều:

- **Điều 1.** Quy định về Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Nghị quyết này Quy định nội dung, mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, gồm: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước quy

định tại Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

Đối tượng áp dụng là các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- **Điều 2.** Quy định về định mức xây dựng dự toán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- **Điều 3.** Quy định về định mức chi công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- **Điều 4.** Quy định về Nguồn kinh phí;

- **Điều 5.** Quy định về nhiệm vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh giao;

- **Điều 6.** Quy định về điều khoản thi hành.

**2. Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2030.**

### ***2.1 Hiệu lực thi hành***

Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành từ ngày 01/5/2024

### ***2.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành***

#### **a) Sự cần thiết ban hành**

Trong những năm qua, công tác xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền, địa phương của tỉnh quan tâm. Tuy nhiên, trước yêu cầu về đổi mới giáo dục hiện nay, sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lai Châu vẫn còn những khó khăn, bất cập, nhất là đội ngũ nhà giáo như: Cơ cấu giáo viên giữa các môn học, cấp học chưa đồng bộ, vẫn còn tình trạng thừa, thiếu cục bộ tại một số địa phương, đơn vị, trong đó thiếu nhiều nhất là giáo viên Tiếng Anh, Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc (toàn tỉnh thiếu 331 giáo viên); trong khi tiếp tục thực hiện chủ trương tinh giảm 10% biên chế; hằng năm có khoảng từ 300 đến 350 giáo viên nghỉ hưu, thôi việc, chuyển vùng công tác ra ngoài tỉnh, nhưng số lượng biên chế được giao bổ sung hằng năm không nhiều. Mặt khác, thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, cần bổ sung đội ngũ giáo viên cho các môn học mới: Tin học, Tiếng Anh, Mỹ Thuật, Âm nhạc.

Tuy nhiên, hiện nguồn tuyển dụng giáo viên đối với những môn học này gặp rất nhiều khó khăn do: Trước thời điểm thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, hầu hết các trường sư phạm ít đào tạo hoặc đào tạo với số lượng không nhiều sinh viên đối với các chuyên ngành của những môn học mới. Trong khi toàn quốc đều có nhu cầu tuyển, dẫn đến các tỉnh miền núi, đặc biệt là tỉnh Lai Châu việc tuyển dụng và hợp đồng giáo viên không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Mặc dù trong thời gian qua, tỉnh đã thực hiện nhiều giải pháp song thực trạng thiếu giáo viên, đặc biệt những môn học mới của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 vẫn chưa được giải quyết triệt để.

Hiện nay, toàn tỉnh có khoảng 72 sinh viên là người của tỉnh Lai Châu đang tham gia đào tạo giáo viên các chuyên ngành Tiếng Anh Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc (Tiếng Anh 31, Tin học 33, Mỹ thuật 04, Âm nhạc 05). Tuy nhiên, xu hướng sau khi tốt nghiệp sinh viên thuộc 4 môn nói trên ít quay trở lại tỉnh để tham gia dự tuyển. Thực tế trên đòi hỏi phải tiến hành các giải pháp đào tạo giáo viên trong biên chế hiện có (đào tạo đại học sư phạm văn bằng 2) và đào tạo đại học sư phạm một số chuyên ngành như: Tiếng Anh, Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc để chủ động về nguồn tuyển giáo viên.

Qua rà soát nhu cầu đào tạo đại học văn bằng 2 sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học của đội ngũ hiện có khoảng 110 giáo viên và nhân viên, thuộc đối tượng thừa cục bộ hiện đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu và một số công dân không là cán bộ, công chức, viên chức, đã tốt nghiệp đại học có nhu cầu tham gia đào tạo; có khoảng 150 học sinh đang học lớp 12 năm học 2023-2024 và một số công dân khác đã tốt nghiệp THPT trên địa bàn tỉnh Lai Châu có nhu cầu tham gia đào tạo Đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật.

Trên cơ sở đó, để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên các môn Tiếng Anh, Tin học, Mỹ thuật, Âm nhạc trên địa bàn tỉnh thì việc ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học (văn bằng đại học thứ 2) và đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết.

#### b) Mục đích ban hành

Ban hành chính sách đặc thù của tỉnh quy định mức hỗ trợ cho người được cử đi đào tạo Đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật nhằm khắc phục tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024 - 2030. Tạo điều kiện cho người được cử đi đào tạo yên tâm học tập, rèn luyện

và sau khi tốt nghiệp quay trở về địa phương tiếp tục công tác và tham gia tuyển dụng vào các vị trí việc làm giáo viên của tỉnh.

### **2.3 Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND gồm 12 điều:

- **Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cho người được cử đi đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học (đào tạo văn bằng đại học thứ 2, gọi tắt là văn bằng 2) và đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Đối tượng áp dụng: Viên chức đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lai Châu được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học (văn bằng 2); Công dân không là cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học (văn bằng 2) và đào tạo đại học sư phạm chuyên ngành Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật; Các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức triển khai thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

- **Điều 2.** Quy định về Nguyên tắc áp dụng

- **Điều 3.** Quy định về Quy mô, số lượng, hình thức, thời gian, địa điểm đào tạo cho 02 hình thức đào tạo là Đào tạo văn bằng 2 và Đào tạo đại học sư phạm

- **Điều 4.** Quy định về Điều kiện được cử đi đào tạo Đối với viên chức đang công tác tại các cơ sở giáo dục công lập và Đối với công dân không là cán bộ, công chức, viên chức

- **Điều 5.** Quy định về Điều kiện nhận kinh phí hỗ trợ

- **Điều 6.** Quy định về Trách nhiệm của người được cử đi đào tạo và gia đình

- **Điều 7.** Quy định về Nội dung, mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ

- **Điều 8.** Quy định về Hồ sơ, trình tự, cơ quan chi trả kinh phí hỗ trợ

- **Điều 9.** Quy định về các trường hợp phải Bồi hoàn kinh phí hỗ trợ, không phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ, Cách tính chi phí bồi hoàn, Thu hồi chi phí bồi hoàn

- **Điều 10.** Quy định về Kinh phí thực hiện

- **Điều 11.** Quy định về nhiệm vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh giao;

- **Điều 12.** Điều khoản thi hành



**3. Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.**

**3.1 Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 01/5/2024

### **3.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

#### **a) Sự cần thiết ban hành**

Để triển khai thực hiện Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 ban hành Quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh. Theo đó đã quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh, bao gồm các kỳ thi, cuộc thi sau: (1) kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; (2) thi tuyển sinh đầu cấp trung học phổ thông; (3) thi chọn học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh các môn văn hóa; (4) thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia lớp 12 trung học phổ thông. Còn lại các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác tại tỉnh theo nhiệm vụ chuyên môn được giao của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: (1) Thi tuyển sinh bổ sung vào trường THPT chuyên; (2) Cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cấp tỉnh dành cho học sinh trung học; (3) Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông (04 năm/lần); (4) Hội thi giáo viên tổng phụ trách giỏi (04 năm/lần); (5) Hội thi giai điệu tuổi hồng và các cuộc thi khác theo nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các chức danh của thành viên tham gia các Điểm thi đối với kỳ thi tốt nghiệp THPT; chế độ tiền công cho lực lượng thanh tra, kiểm tra các kỳ thi, cuộc thi, hội thi... chưa được quy định tại Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong khi đó, theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ Tài chính thì “*Ngoài các nội dung mức chi quy định tại thông tư này, HĐND tỉnh quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục-đào tạo tại địa phương bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn ngân sách địa phương*”. Do đó, trong trường

hợp nếu điều kiện nguồn ngân sách của tỉnh có thể cân đối, bố trí được nội dung, mức chi cho một số kỳ thi, cuộc thi, hội thi nêu trên; chế độ chức danh của thành viên tham gia các Điểm thi đối với kỳ thi tốt nghiệp THPT; tiền công cho lực lượng thanh tra, kiểm tra các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thì việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh là cần thiết.

#### b) Mục đích ban hành

Sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi, cuộc thi, hội thi theo nhiệm vụ chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của UBND tỉnh (ngoài 04 kỳ thi đã quy định tại Nghị quyết 56/2022/NQ-HĐND) nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, khích lệ, động viên, khuyến khích, nâng cao tinh thần trách nhiệm cho các lực lượng tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

### **3.3 Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND gồm 03 Điều

- **Điều 1.** Quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh bao gồm các nội dung như: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; mức chi tiền công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ thi tại kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa, thi tuyển sinh đầu cấp trung học phổ thông do cấp tỉnh tổ chức; mức chi tiền công cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa do cấp huyện tổ chức; các chức danh thành viên thực hiện nhiệm vụ thi tuyển sinh bổ sung vào trường trung học phổ thông chuyên; các chức danh thành viên thực hiện nhiệm vụ tại cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học; thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông; thi giáo viên làm tổng phụ trách Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh giỏi do các cấp tổ chức; bổ sung nội dung chi, mức chi tiền công cho Hội đồng coi thi/Ban coi thi/Điểm thi kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; bổ sung nội dung chi, mức chi cho công tác thanh tra, kiểm tra các kỳ thi, hội thi.

- **Điều 2.** Quy định về trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện;

- **Điều 3.** Quy định về Hiệu lực thi hành.

**4. Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2022 -2023 đến hết năm học 2025 – 2026.**

**4.1 Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 01/5/2024

Hiệu lực trở về trước: Mức học phí quy định tại Điều 1 Nghị quyết này được áp dụng từ năm học 2023-2024 (từ 01/9/2023)

#### **4.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

##### **a) Sự cần thiết ban hành**

Hiện nay, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đang triển khai thu học phí theo Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2022 - 2023 đến hết năm học 2025 – 2026 (Nghị quyết số 05/2022/NQHĐND được ban hành dựa trên căn cứ các quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐCP của Chính phủ).

Ngày 31/12/2023 Chính phủ ban hành Nghị định số 97/2023/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 về quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Theo đó, sửa đổi Khoản 3 Điều 9 như sau: “Học phí từ năm học 2023 - 2024: Đối với cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Giữ ổn định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 bằng mức thu học phí của năm học 2021 - 2022 do Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành áp dụng tại địa phương...”.

Mức thu học phí năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh Lai Châu được thực hiện theo Nghị quyết số 60/2021/NQ-HĐND. Nghị quyết này đã hết hiệu lực khi Nghị quyết 05/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của HĐND tỉnh có hiệu lực thi hành. Tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định: “Trường hợp HĐND các tỉnh và các cơ sở giáo dục đã ban hành khung học phí hoặc mức thu học phí năm học 2023-2024 theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP với mức học phí tăng so với năm học 2021-2022 nhưng ngân sách địa phương không đảm bảo phần chênh lệch tăng thêm so với mức thu học phí năm học 2021 - 2022 thì phải thực hiện điều chỉnh theo quy định của Nghị định này...”.

Như vậy, nếu không điều chỉnh giảm mức thu học phí quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND thì ngân sách địa phương phải đảm bảo phân chênh lệch học phí tăng thêm đã quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND so với quy định tại Nghị quyết số 60/2021/NQ-HĐND, phần chênh lệch tăng thêm này khá lớn (khoảng 31 tỷ đồng/năm) gây khó khăn cho cân đối ngân sách địa phương.

Do đó, ban hành việc Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2022 - 2023 đến hết năm học 2025 - 2026 là cần thiết

#### b) Mục đích ban hành

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh để đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ; giữ ổn định mức thu học phí bằng mức thu quy định tại năm học 2021 - 2022, tạo điều kiện thuận lợi cho người học, đảm bảo phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của đa số người dân trên địa bàn tỉnh.

### **4.3 Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND gồm 3 Điều.

- **Điều 1.** Quy định về sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh từ năm học 2022 - 2023 đến hết năm học 2025 - 2026

- **Điều 2.** Quy định về nhiệm vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh giao

- **Điều 3.** Quy định về Điều khoản thi hành

**5. Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.**

**5.1 Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND có hiệu lực từ ngày 01/5/2024

#### **5.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

a) Sự cần thiết ban hành

Căn cứ điểm d, khoản 7, Mục VI, Điều 1, Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/05/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; căn cứ điểm c, khoản 2, Chương III, Điều 7, Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg, trong đó quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình cấp có thẩm quyền quy định cụ thể mức kinh phí hỗ trợ về nhà ở, khai hoang (nếu có), lương thực (trong thời gian đầu tại nơi tái định cư), nước sinh hoạt (nơi không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung) phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương”.

Theo quy định tại khoản 4, Điều 27, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015, quy định “Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định: Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương”.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết quy định “Một số chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu” nhằm cụ thể hoá cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện của địa phương theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền cấp trên là cần thiết và phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### b) Mục đích ban hành

Nhằm quy định cụ thể mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2030, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

### **5.3 Nội dung chủ yếu**

Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND gồm 6 điều.

#### **- Điều 1. Quy định về Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

+ Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức hỗ trợ một số nội dung thực hiện Bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, di cư tự do trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

+ Đối tượng áp dụng: Hộ gia đình, cá nhân được bố trí ổn định theo hình thức tái định cư tập trung, xen ghép hoặc ổn định tại chỗ theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng; Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, thiếu nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; ô nhiễm môi trường; Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, khu kinh tế - quốc phòng; Hộ gia đình, cá nhân đã di cư tự do đến các địa bàn trong tỉnh không theo quy hoạch, kế hoạch, đời sống còn khó khăn; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác liên quan.

**Điều 2.** Quy định về nguyên tắc áp dụng

**Điều 3.** Quy định về nội dung, mức hỗ trợ bao gồm một số nội dung chính như: Hỗ trợ di dời nhà ở; Hỗ trợ nhà ở; Hỗ trợ khai hoang đất sản xuất; Hỗ trợ lương thực; Hỗ trợ nước sinh hoạt.

**Điều 4.** Quy định về nguồn kinh phí thực hiện.

**Điều 5.** Quy định về nhiệm vụ do Hội đồng nhân dân tỉnh giao

**Điều 6.** Quy định về Điều khoản thi hành

**6. Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu.**

**6.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND ngày 04/01/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18/01/2024

Quyết định này thay thế Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu.

**6.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 25/3/2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu cụ thể hóa tại Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND, ngày 04/7/2019 ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu.

Tuy nhiên, ngày 30/12/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, đồng thời bãi bỏ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV ngày 25/3/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ. Để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ phù hợp với quy định tại Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT, ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu là phù hợp và đúng thẩm quyền.

#### b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu đảm bảo phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

### **6.3 Nội dung chủ yếu**

\* Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều

- **Điều 1.** Quy định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu

- **Điều 2.** Quy định về hiệu lực thi hành của Quyết định

- **Điều 3.** Quy định về tổ chức thực hiện

\* Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 01/2024/QĐ-UBND gồm 04 điều

- **Điều 1.** Quy định về vị trí, chức năng của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- **Điều 2.** Quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- **Điều 3.** Quy định về cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- **Điều 4.** Quy định về tổ chức thực hiện.

**7. Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 Ban hành Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc Sở**

## **Thông tin và Truyền thông; Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Văn hóa và thông tin thuộc UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**7.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 25/01/2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 75/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với cấp trưởng, cấp phó các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; Trưởng phòng, phó trưởng phòng Phòng Văn hóa - Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

### **7.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

#### **a) Sự cần thiết ban hành**

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 10/3/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Nội vụ. UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 75/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 ban hành Quy định điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với cấp trưởng, cấp phó các tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; Trưởng phòng, phó trưởng phòng Phòng Văn hóa - Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Tuy nhiên, ngày 14/9/2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 107/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ngày 29/7/2022, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 06/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 10/3/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Nội vụ.

Bên cạnh đó, một số căn cứ pháp lý ban hành Quyết định đã được sửa đổi, bổ sung; một số nội dung về tiêu chuẩn, điều kiện đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý được quy định tại Quyết định số 75/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 không còn phù hợp với Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số 16-QĐ/TU ngày 01/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Quyết định số 584-QĐ/TU ngày



12/8/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định số 16-QĐ/TU, ngày 01 /4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Quy định số 15-QĐ/TU ngày 20/10/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử. Vì vậy, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Sở Thông tin và Truyền thông thì việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; trưởng phòng, phó trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu để thay thế Quyết định số 75/2017/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 là cần thiết.

#### b) Mục đích ban hành

Đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp với các quy định của Trung ương, của tỉnh về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm cán bộ và tình hình thực tiễn của cơ quan, đơn vị, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực Thông tin và Truyền thông trên địa bàn tỉnh. Kế thừa các quy định còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung những nội dung mới, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và phù hợp với hệ thống văn bản quy định về cán bộ, công chức, viên chức.

#### **7.3 Nội dung chủ yếu**

\* Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều

- **Điều 1.** Quy định về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; trưởng phòng, phó trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- **Điều 2.** Quy định về hiệu lực thi hành;

- **Điều 3.** Quy định về tổ chức thực hiện.

\* *Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 02/2024/QĐ-UBND gồm 8 Điều*

- **Điều 1.** Quy định về phạm vi điều chỉnh;

- **Điều 2.** Quy định về đối tượng áp dụng;

- **Điều 3.** Quy định về tiêu chuẩn chung;

- **Điều 4.** Quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông;

- **Điều 5.** Quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Thông tin và Truyền thông;

- **Điều 6.** Quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

- **Điều 7.** Quy định về tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với Phó Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;

- **Điều 8.** Quy định về Tổ chức thực hiện.

**8. Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 Quy định Danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**8.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

**8.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

a) Sự cần thiết ban hành

Theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 15 của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 của Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về các biện pháp lâm sinh; quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh”.

Do đó, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết để thực hiện quy định của cơ quan nhà nước cấp trên đồng thời đảm bảo tính pháp lý và thực tiễn quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh dựa trên nguyên tắc phát triển toàn diện và đồng bộ các hoạt động quản lý, bảo vệ, trồng rừng... gắn với tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân.

Căn cứ danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích để từ đó có các biện pháp lâm sinh, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng, trồng rừng phù hợp từng loài cây; lựa chọn các loài cây trồng phù hợp, đáp ứng với mục đích sử dụng rừng.

### **8.3 Nội dung chủ yếu**

Quyết định số 03/2024/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 có 05 Điều

- **Điều 1.** Quy định về phạm vi điều chỉnh: Quy định danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- **Điều 2.** Quy định về đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có các hoạt động lâm sinh liên quan đến danh mục loài cây sinh trưởng nhanh, cây sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

- **Điều 3.** Quy định về danh mục các loài cây sinh trưởng nhanh, loài sinh trưởng chậm; cây mục đích, cây phi mục đích đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất

- **Điều 4.** Quy định về Tổ chức thực hiện

- **Điều 5.** Quy định về Hiệu lực thi hành

**9. Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**9.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định về giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

### **9.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

a) Sự cần thiết ban hành

Tại khoản 4, Điều 6 Luật Thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 của Quốc Hội ngày 25/11 /2009 quy định “Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế đối với tài nguyên chưa xác định được giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên, trừ dầu thô, khí thiên nhiên, khí than và nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện”; tại khoản 4, Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP, ngày 14/05/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật

Thuế tài nguyên quy định “Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể giá tính thuế đối với tài nguyên tại khoản 2, điểm b, khoản 3 Điều này”.

Tại điểm 5.2, 5.3 khoản 5, Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC, quy định: “Giá tính thuế tài nguyên quy định tại Bảng giá phải phù hợp Khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính ban hành; Cơ quan chức năng do UBND cấp tỉnh phân công chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng và trình UBND cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên chậm nhất là ngày 31/12 để công bố áp dụng từ ngày 01/01 năm tiếp theo liền kề”.

Đồng thời, tại điểm a, khoản 1, Điều 13 Chương V quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm “Chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế xây dựng Bảng giá tính thuế tài nguyên áp dụng tại địa phương; thường xuyên rà soát, điều chỉnh phù hợp với biến động của thị trường”.

Do đó việc UBND tỉnh ban hành Quyết định Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu thay thế Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND, ngày 30/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, tạo cơ sở pháp lý để các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên và các cơ quan có liên quan thực hiện là cần thiết và đúng thẩm quyền.

#### b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu đảm bảo quy định của Luật Thuế tài nguyên, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên, phù hợp với khung giá tính thuế tài nguyên do Bộ Tài chính và phù hợp với biến động của thị trường, là cơ sở để xác định thuế tài nguyên đối với hoạt động khai thác tài nguyên phát sinh trên địa bàn tỉnh năm 2024.

### **9.3 Nội dung chủ yếu**

Quyết định số 04/2024/QĐ-UBND gồm 05 điều

- **Điều 1.** Quy định về phạm vi điều chỉnh của Quyết định: ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lai Châu (trừ dầu thô, khí thiên nhiên, khí than và nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện)

- **Điều 2.** Quy định về đối tượng áp dụng: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, cơ quan thuế các cấp và các cơ quan khác có liên quan; Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 1 Quyết định này

- **Điều 3.** Quy định về Bảng giá tính thuế tài nguyên tại các Phụ lục I, II, III, IV và V.

- **Điều 4.** Quy định về tổ chức thực hiện.

- **Điều 5.** Quy định về hiệu lực thi hành.

**10. Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 Bãi bỏ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**10.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 02 năm 2024

- Quyết định này Bãi bỏ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Quy định chuyển tiếp: Đối với những nội dung, dự án, kế hoạch, phương án, dịch vụ, mô hình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung, mức hỗ trợ theo Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

### **10.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

#### **a) Sự cần thiết ban hành**

Để triển khai thực hiện Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển nông nghiệp thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Các mức hỗ trợ quy định tại Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND được ban hành trên cơ sở quy định tại Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và

quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và vận dụng một số mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 28 tháng 02 năm 2023 của HĐND tỉnh ban hành quy định một số nội dung, mức hỗ trợ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay Thông tư số 46/2022/TT-BTC đã được bãi bỏ và thay thế bằng Thông tư số 55/2023/TT-BTC và Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND đang trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung có nhiều nội dung tại Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND đã được quy định cụ thể tại các văn bản mới ban hành của cơ quan nhà nước cấp trên, đồng thời nhiều nội dung không còn phù hợp với quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính và Nghị quyết của HĐND tỉnh. Do đó, các nội dung tại Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Vì vậy, để đảm bảo thống nhất, đồng bộ, phù hợp với các quy định hiện hành, thì việc ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết.

#### b) Mục đích ban hành

Việc bãi bỏ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND nhằm đảm bảo sự đồng bộ, minh bạch của pháp luật, tránh chồng chéo, nhằm lẫn trong thực thi pháp luật.

### ***10.3 Nội dung chủ yếu***

Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 23/01/2024 gồm có 03 Điều

- **Điều 1:** Quy định về việc bãi bỏ Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2023 của UBND tỉnh Lai Châu quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Tiểu dự án 1 Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- **Điều 2:** Quy định về điều khoản chuyển tiếp.

- **Điều 3:** Quy định về điều khoản thi hành

**11. Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 Bãi bỏ Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về giao số lượng, bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**11.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2024.

Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về giao số lượng, bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

### ***11.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành***

#### **a) Sự cần thiết ban hành**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 10 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố), UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 giao số lượng, bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, ngày 10/6/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 33/2023/NĐ-CP về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, trong đó tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP có quy định: *“Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn”*. Do đó, để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với các quy định hiện hành, thì việc UBND tỉnh ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh giao số lượng, bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và đúng thẩm quyền.

#### **b) Mục đích ban hành**

Để đảm bảo đúng quy định tại khoản 4, điều 6 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã đối với các huyện, thành phố.

### ***11.3 Nội dung chủ yếu***

Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND gồm 02 điều

- **Điều 1.** Quy định về việc bãi bỏ Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về giao số lượng, bố trí cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- **Điều 2.** Quy định về điều khoản thi hành

## **12. Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 Quy định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**12.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND ngày 30/01/2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

### **1.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

#### **a) Sự cần thiết ban hành**

Căn cứ Điểm c, Khoản 1, Điều 16 Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, quy định: “ 1. Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh có trách nhiệm: c) Rà soát, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định bổ sung nghề, ngư cụ, khu vực cấm khai thác thủy sản chưa có tên trong Danh mục quy định tại khoản 2 Điều 13 và khoản 2 Điều 14 Thông tư này.” Tỉnh Lai Châu có hệ thống sông ngòi với mật độ tương đối dày đặc và các hồ thủy điện lớn, là nơi sinh sống của nhiều loài thủy sản, có nguồn lợi thủy sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phát triển sinh kế của người dân. Tuy nhiên, trong những năm gần đây còn xảy ra tình trạng người dân dùng kích điện, xung điện, lồng bắt quai, đăng, đáy, te... để khai thác thủy sản, nhất là tại các khu vực thủy sản tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống làm suy giảm nguồn lợi thủy sản. Xuất phát từ thực tiễn công tác quản lý, khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh, thực hiện yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn và ngư cụ sử dụng cụ mang tính tận diệt để khai thác thủy sản là cần thiết, phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### **b) Mục đích ban hành**

Nhằm xác định khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn và ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản gây nguy hại, hủy diệt nguồn lợi thủy sản, môi trường sống của loài thủy sản làm cơ sở để tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và khai thác thủy sản theo đúng quy định của pháp luật, khai thác tiềm năng lợi thế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

### **12.3 Nội dung chủ yếu**

Quyết định số 07/2024/QĐ-UBND gồm 04 điều

- **Điều 1.** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng



- Phạm vi điều chỉnh: Khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn chưa có tên trong Danh mục quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- **Điều 2.** Quy định về khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh (được quy định theo phụ lục ban hành kèm theo quyết định)

- **Điều 3.** Quy định về tổ chức thực hiện trong đó phân công cụ thể trách nhiệm, nhiệm vụ cho các sở, ngành, UBND huyện triển khai thực hiện Quy định.

- **Điều 4.** Quy định về điều khoản thi hành

**13. Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**13.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 19/02/2024.

**13.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày ngày 27/5/2020 về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu.

Hiện nay, triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Chương trình chuyển đổi số quốc gia thì các hoạt động phục vụ triển khai Chính quyền điện tử như công tác quản trị, vận hành các hệ thống thông tin, duy trì dịch vụ công nghệ thông tin, hệ thống quản lý an toàn thông tin, nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành chung của tỉnh Lai Châu đã và đang được triển khai ngày càng có quy mô và rộng lớn. Các dịch vụ hoạt động này vừa được cơ quan quản lý nhà nước tiến hành thực hiện thuê dịch vụ, vừa được đơn vị sự nghiệp đảm nhiệm thực hiện. Tuy nhiên, Bộ Thông tin và Truyền thông chưa ban hành bộ định mức về các hoạt động quản lý, vận hành Cổng/Trang thông tin điện tử; Quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thư điện tử; Vận hành trung tâm dữ liệu; Đánh giá an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước;

Giám sát an toàn thông tin mạng; Ứng cứu, xử lý, khắc phục sự cố máy tính cho các cơ quan nhà nước; Tổ chức hướng dẫn sử dụng và quản lý chứng thư số, chữ ký số trên các hệ thống thông tin của cơ quan Nhà nước... Để có định mức cụ thể từ đó xây dựng đơn giá nhằm tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị thuê thực hiện dịch vụ cũng như giao nhiệm vụ, đặt hàng đối với các đơn vị sự nghiệp thì việc UBND tỉnh xây dựng và ban hành Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và đúng thẩm quyền.

#### b) Mục đích ban hành

Việc tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phải đảm bảo tiến độ, chất lượng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước; đồng thời triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định, định mức của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trong việc giao nhiệm vụ, đặt hàng thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

### ***13.3 Nội dung chủ yếu***

\* Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND gồm 03 Điều.

- **Điều 1.** Quy định về việc ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- **Điều 2.** Quy định về tổ chức thực hiện;

- **Điều 3.** Quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản và trách nhiệm tổ chức thi hành.

\* Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND gồm 02 Chương, 14 Điều.

### **Chương I. Những quy định chung.**

- **Điều 1:** Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Phạm vi áp dụng: Quy định này áp dụng cho một số dịch vụ sự nghiệp công lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm các danh mục 3, 4, 6, 7, 8, 10, 11 tại phần II, Phụ lục VII; mục 4, phần III, Phụ lục VII Quyết định 620/QĐ-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu. Định mức kinh tế - kỹ thuật này quy định mức hao phí cần thiết về vật liệu, nhân công và máy, thiết bị để hoàn thành một

đơn vị khối lượng công việc của dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước. Định mức kinh tế - kỹ thuật này dựa theo hệ thống các quy trình, quy phạm về chỉ tiêu kỹ thuật có liên quan đến dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động về lĩnh vực công nghệ thông tin. Khuyến khích các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động về lĩnh vực công nghệ thông tin không sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật này.

- **Điều 2:** Quy định về nguyên tắc áp dụng;
- **Điều 3.** Quy định về giải thích từ ngữ;
- **Điều 4.** Quy định về nội dung định mức;
- **Điều 5.** Quy định về kết cấu định mức;
- **Điều 6.** Quy định về kết cấu định mức chi tiết;

## **Chương II. Định mức kinh tế kỹ thuật.**

- **Điều 7.** TĐT.01.00.00 - Dịch vụ quản lý, vận hành Cổng/Trang thông tin điện tử;
- **Điều 8.** MAIL.02.00.00 - Quản lý, vận hành và khai thác hệ thống thư công vụ tỉnh;
- **Điều 9.** ĐGAT.03.00.00 - Đánh giá an toàn thông tin mạng trong cơ quan nhà nước;
- **Điều 10.** GSAT.04.00.00 - Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin được giao quản lý;
- **Điều 11.** ƯCTT.05.00.00 - Ứng cứu, xử lý, khắc phục sự cố máy tính cho các cơ quan nhà nước;
- **Điều 12.** HTCKS.06.00.00 - Dịch vụ, hỗ trợ, quản lý sử dụng, vận hành chứng thư số, chữ ký số cho các cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu;
- **Điều 13.** HTCNTT.07.00.00 - Dịch vụ công trong vận hành Trung tâm Dữ liệu tỉnh: Vận hành hệ thống thiết bị, bảo trì, nâng cấp; quản trị vận hành; sao lưu và phục hồi dữ liệu...
- **Điều 14.** CKS.08.00.00 - Tổ chức hướng dẫn sử dụng và quản lý chứng thư số, chữ ký số trên các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước.

**14. Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**14.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

#### **14.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

##### **a) Sự cần thiết ban hành**

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công: “...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, quy định tại Nghị định này và các văn bản hướng dẫn luật hiện hành để quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư, sở, phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, đảm bảo thời hạn quyết toán ngân sách nhà nước”.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công: “Đề phù hợp với đặc điểm tổ chức và phân cấp của từng địa phương, căn cứ các quy định tại Nghị định này, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn luật”.

Do đó, để có cơ sở triển khai thống nhất trên địa bàn tỉnh, việc Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

##### **b) Mục đích ban hành**

Việc ban hành Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra

thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu sẽ thiết lập khung pháp lý đầy đủ, đồng bộ, đảm bảo thống nhất, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

### **14.3 Nội dung chủ yếu**

Quyết định Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND gồm 06 điều

#### **- Điều 1. Quy định về phạm vi điều chỉnh**

Quy định thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý; trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

#### **- Điều 2. Quy định về đối tượng áp dụng**

Là các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

**- Điều 3.** Quy định về thời hạn gửi báo cáo quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý

**- Điều 4.** Quy định về trình tự, thời hạn lập, gửi, xét duyệt, thẩm định và ra thông báo thẩm định quyết toán theo niên độ đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý

#### **- Điều 5. Quy định về điều khoản thi hành**

#### **- Điều 6. Quy định về tổ chức thực hiện**

**15. Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.**

**15.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024

#### **15.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện quy định tại Khoản 5 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Ngày 17/3/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND, quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Ngày 24/6/2023 của Chính phủ ban hành Nghị định số 38/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022, theo đó tại Điều 22, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ đã được sửa đổi, tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐCP có quy định: “a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng phù hợp điều kiện thực tiễn, năng lực quản lý, tổ chức thực hiện cấp cơ sở và người dân.” Sau gần 01 năm triển khai thực hiện Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 17/03/2023 của UBND tỉnh, bên cạnh những ưu điểm, còn phát sinh một số khó khăn, vướng mắc cần xem xét điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn của địa phương. Một số huyện, thành phố có ý kiến đề nghị giảm tỷ lệ thu hồi một phần vốn quay vòng hoặc không quy định tỷ lệ thu hồi vốn quay vòng; nguyên nhân do đối tượng thực hiện dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, đối tượng tham gia dự án vừa phải đối ứng, vừa phải thu hồi vốn để quay vòng. Trong giai đoạn vừa qua do suy thoái kinh tế chi phí đầu tư cho sản xuất tăng cao, thị trường tiêu thụ hết sức khó khăn, nguồn lực trong nhân dân rất hạn chế ... Kết quả triển khai thực hiện dự án sử dụng vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của các chương trình mục tiêu quốc gia kế hoạch vốn năm 2023 còn thấp. Do đó, để góp phần nâng cao tỷ lệ giải ngân nguồn vốn sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trong thời gian tới và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương, đặc biệt là các dự án sử dụng vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thì việc UBND ban hành Quyết định để sửa đổi tỷ lệ quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện hỗ trợ sản xuất là cần thiết và đúng thẩm quyền.

#### b) Mục đích ban hành

Việc sửa đổi Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh phải đảm bảo phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Sửa đổi Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh, giảm tỷ lệ quay vòng (tỷ lệ thu hồi theo số vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án), nhằm giảm bớt khó khăn cho các đối tượng thực hiện dự án là hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; từ đó có nhiều hộ dân tham gia dự án phát huy hiệu quả sử dụng nguồn vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo đúng mục tiêu của các chương trình mục tiêu quốc gia đến năm 2025 đã được Quốc hội, Chính phủ và địa phương đã đề ra.

### ***15.3 Nội dung chủ yếu***

Quyết định số 10/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều

- **Điều 1.** Quy định về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh

- **Điều 2.** Quy định về hiệu lực thi hành

- **Điều 3.** Quy định về tổ chức thực hiện

**16. Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 Ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**16.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 28/3/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

### ***16.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành***

a) Sự cần thiết ban hành

Hiện nay, hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu và Quyết định số

22/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

Tuy nhiên ngày 24/6/2022 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; ngày 05/4/2023 Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ đã ban hành Thông tư số 01/2023/TT-VPCP quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Do đó, một số nội dung tại Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND và Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh Lai Châu đã không còn phù hợp với quy định của các văn bản nêu trên, cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Để hoàn thiện cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; trên cơ sở kế thừa các nội dung còn phù hợp tại Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND và Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND; đồng thời điều chỉnh, bổ sung các nội dung mới cho phù hợp với quy định hiện hành..., thì việc UBND tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu để thay thế Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND và Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND là cần thiết và đúng thẩm quyền, đúng quy định.

#### b) Mục đích ban hành

Việc xây dựng Quyết định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu để thay thế Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2019 và Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh phải đảm bảo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### ***16.3 Nội dung chủ yếu***

\* Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều

- **Điều 1.** Quy định về việc ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu
- **Điều 2.** Quy định về tổ chức thực hiện
- **Điều 3.** Quy định về hiệu lực thi hành



\* Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND gồm 9 chương 41 điều

## **Chương I. Quy định chung**

### **- Điều 1. Quy định về Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Công bố, công khai thủ tục hành chính; nhập, đăng tải, kết nối, tích hợp, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; rà soát, đánh giá thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; chế độ báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính.

### **- Điều 2. Quy định về đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Lai Châu (sau đây viết tắt là: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là: Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là: Ủy ban nhân dân cấp xã) trong thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **- Điều 3. Quy định về Giải thích từ ngữ**

## **Chương II. Công bố, công khai thủ tục hành chính**

### **- Điều 4. Quy định về Trách nhiệm xây dựng Quyết định công bố**

**- Điều 5. Quy định về Trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và xây dựng Quyết định công bố**

**- Điều 6. Quy định về Quy trình xây dựng Quyết định công bố của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

**- Điều 7. Quy định về Trách nhiệm công khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc công khai thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính**

**- Điều 8. Quy định về Yêu cầu của việc công khai thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính**

- **Điều 9.** Quy định về Cách thức công khai thủ tục hành chính tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính

- **Điều 10.** Quy định về Công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức

### **Chương III. Nhập, đăng tải, kết nối, tích hợp và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính**

- **Điều 11.** Quy định về Trách nhiệm nhập và đăng tải dữ liệu thủ tục hành chính

- **Điều 12.** Quy định về Kết nối, tích hợp dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia với Cổng thông tin điện tử của tỉnh

- **Điều 13.** Quy định về Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia

- **Điều 14.** Quy định về Quyền của cá nhân, tổ chức khai thác, sử dụng dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia

### **Chương IV. rà soát, đánh giá thủ tục hành chính**

- **Điều 15.** Quy định về Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- **Điều 16.** Quy định về Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

- **Điều 17.** Quy định về Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

### **Chương V. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính**

- **Điều 18.** Quy định về Nội dung phản ánh, kiến nghị

- **Điều 19.** Quy định về Hình thức phản ánh, kiến nghị

- **Điều 20.** Quy định về Yêu cầu đối với phản ánh, kiến nghị

- **Điều 21.** Quy định về Cơ quan tiếp nhận phản ánh, kiến nghị

- **Điều 22.** Quy định về Quy trình tiếp nhận phản ánh, kiến nghị

- **Điều 23.** Quy định về Quy trình xử lý phản ánh, kiến nghị của cơ quan hành chính

- **Điều 24.** Quy định về Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

- **Điều 25.** Quy định về Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã

- **Điều 26.** Quy định về Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị

#### **Chương VI. Kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính**

- **Điều 27.** Quy định về Hình thức, thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra

- **Điều 28.** Quy định về Quy trình kiểm tra

- **Điều 29.** Quy định về Nội dung kiểm tra

- **Điều 30.** Quy định về Xử lý kết quả kiểm tra

- **Điều 31.** Quy định về Cơ quan, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra

#### **Chương VII. Chế độ báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính**

- **Điều 32.** Quy định về Trách nhiệm thực hiện báo cáo

- **Điều 33.** Quy định về Trách nhiệm thực hiện tổng hợp báo cáo

- **Điều 34.** Quy định về Báo cáo định kỳ và thời hạn gửi báo cáo

- **Điều 35.** Quy định về Phương thức gửi, nhận báo cáo

#### **Chương VIII. Hoạt động của cán bộ, công chức đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính**

- **Điều 36.** Quy định về Cơ cấu, thẩm quyền phê duyệt cán bộ, công chức đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính

- **Điều 37.** Quy định về Trách nhiệm của công chức đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính

- **Điều 38.** Quy định về Đảm bảo trang thiết bị và chế độ của cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính

- **Điều 39.** Quy định về Khen thưởng, kỷ luật

#### **Chương IX. Kinh phí và tổ chức thực hiện**

- **Điều 40.** Quy định về Kinh phí thực hiện

- **Điều 41.** Quy định về Tổ chức thực hiện

**17. Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**17.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND ngày 05/4/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 4 năm 2024

Quyết định này thay thế Quyết định số 38/2021/QĐUBND ngày 21/10/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành “Quy chế quản lý kinh phí trung ương thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lai Châu”.

### ***17.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành***

#### **a) Sự cần thiết ban hành**

Căn cứ Thông tư số 101/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý kinh phí trung ương thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lai Châu kèm theo Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND ngày 21/10/2021. Tuy nhiên hiện tại Thông tư số 101/2018/TT-BTC đã hết hiệu lực thi hành và bị thay thế bởi Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý. Do vậy, để việc quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật thì việc UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu để thay thế Quy chế quản lý kinh phí trung ương thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 38/2021/QĐ-UBND là cần thiết và đúng thẩm quyền.

#### **b) Mục đích ban hành**

Để triển khai kịp thời các quy định của pháp luật về thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng. Làm cơ sở, căn cứ pháp lý trong việc tổ chức thực hiện công tác quản lý, chi trả và thực hiện chế độ, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng từ nguồn kinh phí trung ương trên địa bàn tỉnh. Xác định rõ nội dung, nguyên tắc, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ quản lý; điều chỉnh một số nội dung để phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, góp phần nâng cao trách nhiệm trong việc giải quyết các thủ tục hành chính.

### ***17.3 Nội dung chủ yếu***

\* Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều

- **Điều 1.** Quy định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lai Châu

- **Điều 2.** Quy định về hiệu lực thi hành

- **Điều 3.** Quy định về tổ chức thực hiện

\* Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2024/QĐ-UBND gồm 3 chương 15 điều

### **Chương I. Những quy định chung**

- **Điều 1.** Quy định về Phạm vi điều chỉnh

+ Quy chế này quy định về quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào, người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm-pu-chi-a (sau đây gọi chung là người có công với cách mạng) do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý từ nguồn ngân sách trung ương đảm bảo, bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lai Châu.

+ Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thực hiện theo Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- **Điều 2.** Quy định về Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lai Châu; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố; Trung tâm Đón tiếp thân nhân liệt sỹ và Điều dưỡng người có công với cách mạng; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã); Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp phát, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và

người trực tiếp tham gia kháng chiến do Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- **Điều 3.** Quy định về Nguyên tắc thực hiện
- **Điều 4.** Quy định về Các hành vi bị nghiêm cấm

## **Chương II. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý và sử dụng kinh phí**

- **Điều 5.** Quy định về Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
- **Điều 6.** Quy định về Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh, Kho bạc Nhà nước cấp huyện
- **Điều 7.** Quy định về Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện
- **Điều 8.** Quy định về Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lai Châu
- **Điều 9.** Quy định về Trách nhiệm của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện
- **Điều 10.** Quy định về Trung tâm Đón tiếp thân nhân liệt sỹ và Điều dưỡng người có công với cách mạng
- **Điều 11.** Quy định về Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã
- **Điều 12.** Quy định về Tổ chức dịch vụ chi trả
- **Điều 13.** Quy định về Đối tượng thụ hưởng chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng

## **Chương III. Tổ chức thực hiện**

- **Điều 14.** Quy định về Khen thưởng và xử lý vi phạm
- **Điều 15.** Quy định về Tổ chức thực hiện

**18. Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 Quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**18.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 có hiệu lực thi hành kể từ 10 tháng 5 năm 2024

Quyết định này thay thế Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc quy định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lai Châu

**18.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

a) Sự cần thiết ban hành

Căn cứ Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông, ngày 02/4/2021, UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND về tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã hết hiệu lực thi hành. Ngày 28/12/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT về Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông, trong đó điều khoản thi hành của Thông tư thay thế Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT. Theo đó, Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 02/4/2021 của UBND tỉnh ban hành Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lai Châu cũng đồng thời hết hiệu lực thi hành. Vì vậy, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định về Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lai Châu thực hiện Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT để thay thế Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông thay thế tiêu chí hành tại Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND, nhằm đảm bảo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh Lai Châu.

**18.3 Nội dung chủ yếu**

Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND gồm 05 điều

**- Điều 1.** Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

+ Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định Tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

+ Đối tượng áp dụng: Tiêu chí này áp dụng đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục thường xuyên - hướng nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông (gọi chung là cơ sở giáo dục); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lai Châu

**- Điều 2.** Quy định về tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa

- **Điều 3.** Quy định về trách nhiệm hướng dẫn thi hành
- **Điều 4.** Quy định về hiệu lực thi hành
- **Điều 5.** Quy định về tổ chức thực hiện

**19. Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**19.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2024

Quyết định này thay thế Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

#### **19.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

##### **a) Sự cần thiết ban hành**

Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu hiện tại đang được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, các căn cứ pháp lý để UBND tỉnh ban hành Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng; Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 04 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực



hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Thông tư số 13/2023/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử. Bên cạnh đó, quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND và Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND đã xuất hiện một số nội dung không còn phù hợp với thực tiễn, cần phải sửa đổi, bổ sung. Do đó, để hoàn thiện cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; trên cơ sở kế thừa các nội dung còn phù hợp tại Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; đồng thời sửa đổi, bổ sung các nội dung mới cho phù hợp với quy định hiện hành, do vậy việc UBND tỉnh ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu nhằm thay thế Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu là cần thiết và đúng thẩm quyền.

#### b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu để thay thế Quyết định số 48/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đồng thời để đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của cơ quan, nhà nước cấp trên. Nhằm quy định cụ thể, chặt chẽ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo đúng quy định và thực tiễn tại địa phương.

#### ***19.3 Nội dung chủ yếu***

\* Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều

- **Điều 1.** Quy định về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu

- **Điều 2.** Quy định về tổ chức thực hiện

- **Điều 3.** Quy định về hiệu lực thi hành

\* Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND gồm 7 chương, 37 điều.

#### **Chương I. Quy định chung**

**- Điều 1.** Quy định về phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lai Châu; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lai Châu; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu (sau đây viết tắt là: Bộ phận Một cửa); các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**- Điều 2.** Quy định về Đối tượng áp dụng: Là các Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính; Cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan quân đội, sỹ quan công an của các cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này (sau đây gọi chung là: cán bộ, công chức, viên chức); Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính (sau đây gọi chung là: tổ chức, cá nhân); Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, doanh nghiệp, cá nhân được thuê hoặc được ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật; Khuyến khích các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn tỉnh áp dụng Quy chế này trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.

**- Điều 3.** Quy định về Nguyên tắc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

**- Điều 4.** Quy định về Những hành vi không được làm trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

**- Điều 5.** Quy định về Thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa

**- Điều 6.** Quy định về Tổ chức Bộ phận Một cửa

**- Điều 7.** Quy định về Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ phận Một cửa; người làm việc tại Bộ phận Một cửa; tiêu chuẩn, trách nhiệm, quyền lợi, của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa; trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đến làm việc tại Bộ phận Một cửa; trách nhiệm của người đứng đầu Bộ phận Một cửa; bố trí trụ sở, trang thiết bị của Bộ phận Một cửa

**- Điều 8.** Quy định về Thời gian làm việc tại Bộ phận Một cửa

**Chương II. Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa**

- **Điều 9.** Quy định về Phạm vi áp dụng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- **Điều 10.** Quy định về Công khai, hướng dẫn thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa

- **Điều 11.** Quy định về Cách thức cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- **Điều 12.** Quy định về Tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính

- **Điều 13.** Quy định về Chuyển hồ sơ thủ tục hành chính đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết

- **Điều 14.** Quy định về Trách nhiệm giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

- **Điều 15.** Quy định về Trách nhiệm trong việc giải quyết quá hạn, dừng giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

- **Điều 16.** Quy định về Trả hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- **Điều 17.** Quy định về Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc để mất, thất lạc hồ sơ hoặc bị hư hỏng và chậm trả kết quả

- **Điều 18.** Quy định về Nộp phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính

- **Điều 19.** Quy định về Trách nhiệm cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- **Điều 20.** Quy định về Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- **Điều 21.** Quy định về Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

### **Chương III. Xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính và rà soát, chuẩn hóa mẫu đơn, tờ khai**

- **Điều 22.** Quy định về Xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính

- **Điều 23.** Quy định về Rà soát quy trình thực hiện thủ tục hành chính

- **Điều 24.** Quy định về Rà soát, chuẩn hóa mẫu đơn, tờ khai

### **Chương IV. Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử**

- **Điều 25.** Quy định về Người có trách nhiệm thực hiện số hóa

- **Điều 26.** Quy định về Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính
- **Điều 27.** Quy định về Trách nhiệm lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử
- **Điều 28.** Quy định về Lưu trữ hồ sơ thủ tục hành chính điện tử

## **Chương V. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính**

- **Điều 29.** Quy định về Nguyên tắc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính
- **Điều 30.** Quy định về Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Lai Châu

## **Chương VI. Đánh giá kết quả giải quyết thủ tục hành chính**

- **Điều 31.** Quy định về Nguyên tắc đánh giá
- **Điều 32.** Quy định về Thẩm quyền đánh giá
- **Điều 33.** Quy định về Phương thức thu thập thông tin và tổ chức thu thập ý kiến đánh giá
- **Điều 34.** Quy định về Các chỉ số, phương thức chấm điểm và xử lý kết quả chấm điểm trong đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính
- **Điều 35.** Quy định về Đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử

## **Chương VII. Tổ chức thực hiện**

- **Điều 36.** Quy định về Khen thưởng, kỷ luật
- **Điều 37.** Quy định về Trách nhiệm thi hành

**20. Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 Sửa đổi, bổ sung một số Quyết định do UBND tỉnh ban hành về lĩnh vực quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**20.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2024

### **20.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

- a) Sự cần thiết ban hành

- Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 97/2017/NĐ-CP); Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 07/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Tuy nhiên, hiện nay một số văn bản là căn cứ để UBND tỉnh ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND đã bị sửa đổi, bổ sung, thay thế dẫn đến nhiều nội dung của Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND không còn phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên, cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Thực hiện Nghị định 59/2012/NĐ-CP của Chính phủ về theo dõi thi hành pháp luật (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ), Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 ban hành Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Tuy nhiên, ngày 21/6/2021 Bộ trưởng, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 04/2021/TT-BTP về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP. Do đó, nội dung về công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số

22/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh) viện dẫn thực hiện đến Thông tư số 14/2014/TT-BTP đã không còn phù hợp. Do đó, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung nội dung này nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

#### b) Mục đích ban hành

Việc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất của pháp luật, tránh chồng chéo, nhằm lần trong thực thi pháp luật. Việc xây dựng một Quyết định để sửa đổi, bổ sung nhiều Quyết định do UBND tỉnh ban hành nhằm giảm bớt thời gian cho cơ quan chủ trì soạn thảo và các cơ quan có liên quan trong việc phải thực hiện các quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

### **20.3 Nội dung chủ yếu**

Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND gồm 04 điều

- **Điều 1:** Quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 08/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- **Điều 2:** Quy định về sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 của Quy chế phối hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 02/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 17/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

- **Điều 3:** Quy định về điều khoản thi hành.

- **Điều 4:** Quy định về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

**21. Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh Lai Châu.**

**21.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

#### **21.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12/8/2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc UBND cấp tỉnh và phòng Nội vụ thuộc UBND cấp huyện; ngày 25/5/2022 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ. Tuy nhiên, ngày 29/02/2024, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 191/QĐ-UBND về việc tổ chức lại các phòng chuyên môn thuộc Sở Nội vụ, trong đó sáp nhập Văn phòng và Phòng Quản lý văn thư, lưu trữ thành Phòng Hành chính và Quản lý văn thư, lưu trữ; chia tách Phòng Xây dựng chính quyền và Cải cách hành chính thành 02 phòng: Phòng Xây dựng chính quyền và Công tác thanh niên và Phòng Cải cách hành chính. Để kịp thời quy định cơ cấu, tổ chức của Sở Nội vụ sau tổ chức lại được thống nhất, đồng bộ theo Quyết định số 191/QĐ-UBND của UBND tỉnh, thì việc ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ ban hành kèm theo Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh Lai Châu là cần thiết và đảm bảo theo quy định.

#### b) Mục đích ban hành

Nhằm sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định về cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ không còn phù hợp với tình hình thực tế góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực nội vụ trên địa bàn tỉnh.

### **21.3 Nội dung chủ yếu**

Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều

- **Điều 1:** Quy định về Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

- **Điều 2:** Quy định về Hiệu lực thi hành.

- **Điều 3:** Quy định về Tổ chức thực hiện.

**22. Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.**

**22.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 17/2024/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2024

#### **22.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 23/3/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND Quy định cụ thể một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh; căn cứ để ban hành Quyết định này là Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường. Ngày 25/5/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 31/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; theo đó, tại Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC sửa đổi, bổ sung chi phí lập nhiệm vụ, dự án tại mục 1 Phụ lục số 1 và mục 1 Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài chính. Để thực hiện việc chi trả chế độ chính sách đảm bảo theo đúng quy định hiện hành, thì việc UBND tỉnh ban hành Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 là cần thiết và đúng thẩm quyền.

b) Mục đích ban hành

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định cụ thể một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, nhằm thống nhất một số nội dung, mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**22.3 Nội dung chủ yếu**

Quyết định 17/2024/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 gồm 02 điều

- **Điều 1.** Quy định về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

- **Điều 2.** Quy định về hiệu lực thi hành

**23. Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra tỉnh Lai Châu.**

**23.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Lai Châu.

**23.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**



#### a) Sự cần thiết ban hành

Thực hiện quy định của Luật Thanh tra năm 2010; Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTTP-BNV ngày 08/9/2014 của Thanh tra Chính phủ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, thành phố. Ủy ban nhân tỉnh ban hành Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Lai Châu.

Tuy nhiên, sau khi Luật Thanh tra năm 2022 được ban hành (*có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2023*), căn cứ quy định của Luật Thanh tra năm 2022, Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra. Ngày 22/12/2023, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư số 02/2023/TT-TTTP hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (*Thay thế Thông tư liên tịch số 03/2014/TTLT-TTTP-BNV của Thanh tra Chính phủ và Bộ Nội vụ*), theo đó chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra tỉnh có sự thay đổi (*bổ sung một số chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, phòng chống tham nhũng, tiêu cực... và một số nhiệm vụ khác*). Như vậy, việc UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh Lai Châu để thay thế Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 08/5/2015 của UBND tỉnh là cần thiết.

#### b) Mục đích ban hành

Nhằm quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan Thanh tra tỉnh Lai Châu, đảm bảo đồng bộ với các quy định của Luật Thanh tra năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành, tạo cơ sở pháp lý để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo luật định, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh.

### 23.3 Nội dung chủ yếu

\* Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều

- **Điều 1.** Quy định về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra tỉnh Lai Châu.

- **Điều 2.** Quy định về hiệu lực thi hành

- **Điều 3.** Quy định về tổ chức thực hiện

\* Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Thanh tra tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND gồm 04 điều

- **Điều 1.** Quy định về Vị trí, chức năng của Thanh tra tỉnh

- **Điều 2.** Quy định về Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh

- **Điều 3.** Quy định về tổ chức và biên chế của Thanh tra tỉnh

- **Điều 4.** Quy định về tổ chức thực hiện

**24. Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**24.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2024

Quyết định này thay thế Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 21/02/2018 về ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 21/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

**24.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

a) Sự cần thiết ban hành

Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 21/02/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu được ban hành trên cơ sở Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; Nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài; Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng...

Tuy nhiên, ngày 15/6/2022 Quốc hội đã ban hành Luật Thi đua, khen thưởng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2024 thay thế Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013: Ngày 31/12/2023, Chính phủ ban hành Nghị định số 98/2023/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng thay thế Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; ngày 24/02/2024, Bộ Nội vụ ban hành Thông tư số 01/2024/TT-BNV thay thế Thông tư 12/2019/TTBNV ngày 04/11/2019.

Vì vậy, việc ban hành Quyết định ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu để cụ thể hóa Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, Thông tư số 1/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ về quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, đảm bảo việc tổ chức thực hiện được tập trung, thống nhất là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật.

#### b) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh nhằm cụ thể hóa Luật Thi đua, khen thưởng, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, Thông tư số 01/2024/TT-BNV phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh và làm cơ sở pháp lý cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện.

Tiếp tục động viên, thu hút, khuyến khích, ghi nhận công lao, thành tích của các tập thể, cá nhân, hộ gia đình trong việc phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, đổi mới, năng động, sáng tạo đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng, phát triển tỉnh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

### **24.3 Nội dung chủ yếu**

\* Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều

- **Điều 1.** Quy định về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- **Điều 2.** Quy định về hiệu lực thi hành

- **Điều 3.** Quy định về tổ chức thực hiện

\* Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND gồm 03 chương, 24 điều

- **Chương I:** gồm 05 Điều (Điều 1 đến Điều 5) quy định chung về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; quy định chung về thi đua, khen thưởng; tổ chức

và hoạt động của Hội đồng thi đua - Khen thưởng các cấp; trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong triển khai tổ chức phong trào thi đua; khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

- **Chương II:** gồm 03 mục, 19 điều (từ Điều 6 đến Điều 23) quy định cụ thể về hình thức, phạm vi, nội dung tổ chức phong trào thi đua và các danh hiệu thi đua; tổ chức cụm, khối thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn các danh hiệu: "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Chiến sĩ thi đua tỉnh", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", "Tập thể Lao động tiên tiến", "Tập thể Lao động xuất sắc", "Cờ thi đua của tỉnh", "Cờ thi đua của Chính phủ"; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng Bằng khen, thư khen, Giấy khen; thẩm quyền quyết định, trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quy định về lấy ý kiến để khen thưởng.

- **Chương III:** gồm 01 Điều (Điều 24) quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

**25. Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 Ban hành Quy chế phối hợp quản lý, vận hành Cụm thông tin điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.**

**25.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND ngày 18/6/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024

#### **25.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

##### **a) Sự cần thiết ban hành**

Căn cứ điểm b, khoản 5 Điều 4 Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu: Cụm Thông tin điện tử công cộng khu vực cửa khẩu biên giới tại cửa khẩu Quốc tế Ma Lù Thàng, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đầu tư năm 2023, đã tiến hành bàn giao đưa vào hoạt động từ đầu tháng 4/2024; Trong thời gian tới thực hiện Quyết định số 184/QĐ-BTTTT ngày 20/02/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành Kế hoạch hành động năm 2024 triển khai Chiến lược phát triển lĩnh vực thông tin cơ sở giai đoạn 2021 – 2025: Tại chỉ tiêu 2.2: đến năm 2024: 50%, đến năm 2025 đạt 100% “Tỷ lệ huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có bản tin điện tử công cộng cỡ lớn (màn hình LED, màn hình LCD) được kết nối với hệ thống thông tin nguồn cấp tỉnh.”

Để thực hiện nhiệm vụ Bộ Thông tin và Truyền thông giao, nâng cao năng lực, hiệu quả, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, vận hành Cụm Thông tin điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò của Cụm Thông tin điện tử công cộng đảm bảo phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền, góp phần quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh thì UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp quản lý, vận hành Cụm thông tin điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Lai Châu là cần thiết.

#### b) Mục đích ban hành

Nhằm quy định cụ thể, chi tiết nhiệm vụ giao tại Điểm b, Khoản 5, Điều 4, Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn thực hiện dự án truyền thông thuộc chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 -2025; Đảm bảo quy định của pháp luật được quy định tại Điều 28, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định: Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.”

Nhằm tạo hành lang pháp lý, nâng cao năng lực, hiệu quả, trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong quản lý, vận hành Cụm thông tin điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh; phát huy vai trò của Cụm thông tin điện tử công cộng đảm bảo phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền, góp phần quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

### ***25.3 Nội dung chủ yếu***

\* Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều:

- **Điều 1.** Quy định về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý, vận hành Cụm Thông tin điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- **Điều 2.** Quy định về thời điểm có hiệu lực của văn bản.

- **Điều 3.** Quy định về trách nhiệm tổ chức thi hành.

\* Quy chế phối hợp quản lý, vận hành Cụm thông tin điện tử công cộng trên địa bàn tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 20/2024/QĐ-UBND gồm 03 chương, 15 điều

### **Chương I. Quy định chung.**

- **Điều 1.** Quy định về Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;

+ Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, phương thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên

địa bàn tỉnh Lai Châu đối với việc quản lý, vận hành, cung cấp và đăng phát thông tin trên Cụm thông tin điện tử công cộng giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc phối hợp quản lý, vận hành, cung cấp và đăng phát thông tin trên Cụm thông tin điện tử công cộng.

- Điều 2. Quy định về Giải thích từ ngữ;
- Điều 3. Quy định về Nguyên tắc phối hợp;
- Điều 4. Quy định về Kinh phí hoạt động;
- Điều 5. Quy định về Nội dung phối hợp;
- Điều 6. Quy định về Phương thức phối hợp;
- Điều 7. Quy định về Nội dung thông tin đăng phát trên Cụm Thông tin điện tử công cộng;
- Điều 8. Quy định về Thời lượng đăng phát thông tin trên Cụm Thông tin điện tử công cộng;

## **Chương II. Quy định trách nhiệm phối hợp.**

- Điều 9. Quy định về Đảm bảo an toàn cơ sở vật chất, an toàn an ninh thông tin Cụm Thông tin điện tử công cộng;
- Điều 10. Quy định về Sản xuất, cung cấp và đăng phát thông tin trên Cụm Thông tin điện tử công cộng;
- Điều 11. Quy định về Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị Cụm Thông tin điện tử công cộng;

## **Chương III. Quy định tổ chức thực hiện.**

- Điều 12. Quy định về trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông;
- Điều 13. Quy định về trách nhiệm của Các đơn vị có liên quan;
- Điều 14. Quy định về Chế độ báo cáo;
- Điều 15. Quy định về Điều khoản thi hành.

**26. Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 Ban hành Quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.**

**26.1 Hiệu lực thi hành:** Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 20/6/2024 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

- Quyết định này thay thế Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của UBND tỉnh Lai Châu.

- Quy định chuyển tiếp: Trường hợp cơ quan, đơn vị được phân cấp tuyển dụng viên chức theo Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện theo kế hoạch đã ban hành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành. Sau thời hạn này nếu chưa triển khai thực hiện thì thực hiện theo Quyết định này.

## **26.2 Sự cần thiết, mục đích ban hành**

### **a) Sự cần thiết ban hành**

Thực hiện Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; ngày 08/11/2021 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND về ban hành quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; trong đó đã đẩy mạnh phân cấp về tuyển dụng viên chức, thi hoặc xét thăng hạng viên chức từ hạng III trở xuống cho các cơ quan, đơn vị, địa phương; phân cấp quản lý công chức, viên chức cho UBND các huyện, thành phố...

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có một số vướng mắc, bất cập như: đối tượng áp dụng chưa có chủ thể chính để thực hiện các nội dung phân cấp như các sở, ngành, UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội. Nội dung phân cấp quản lý công chức, viên chức chưa đầy đủ, còn thiếu một số nội dung như: Kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý; cho thôi giữ chức vụ, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, kỷ luật; một số nội dung chưa phân cấp hết dẫn đến khối lượng văn bản trình sang UBND tỉnh lớn như: Bổ nhiệm, chuyển ngạch chuyên viên chính và tương đương, chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II; tiếp nhận công chức, viên chức từ ngoài tỉnh về công tác tại tỉnh... Bên cạnh đó, ngày 07/12/2023 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Vì vậy, việc UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu để thay thế Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 08/11/2021 là cần thiết, đảm bảo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình thực tiễn.

#### b) Mục đích ban hành

Đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các quy định của pháp luật đang thực hiện; các quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức của Trung ương, của tỉnh. Kế thừa các nội dung quy định còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung những nội dung mới, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và phù hợp với hệ thống văn bản quy định về cán bộ, công chức, viên chức.

#### **26.3 Nội dung chủ yếu**

\* Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều

- **Điều 1.** Quy định về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Lai Châu.

- **Điều 2.** Quy định về Hiệu lực thi hành.

- **Điều 3.** Quy định về Tổ chức thực hiện.

\* Quy định về phân cấp quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành kèm theo Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND gồm 03 chương, 10 điều.

- **Chương I:** gồm 03 điều (từ Điều 1 đến Điều 3) quy định chung về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; nguyên tắc phân cấp quản lý; nội dung phân cấp quản lý công chức, viên chức.

+ Phạm vi điều chỉnh: Quy định về nội dung, nguyên tắc, trách nhiệm, quyền hạn trong quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu theo phân công, phân cấp gồm: Công chức, viên chức, người làm việc trong các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và UBND cấp huyện không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý. Các nội dung về phân cấp quản lý công chức, viên chức không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định hiện hành của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan.

Không áp dụng các nội dung tại quy định này đối với các chức danh thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.



+ Đối tượng áp dụng: Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập, hội quần chúng cấp tỉnh được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh (gọi chung là cơ quan, đơn vị cấp tỉnh); Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; văn phòng; thanh tra; chi cục và tổ chức tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (gọi chung là phòng và tương đương); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội được giao biên chế thuộc UBND cấp huyện; Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc trong các cơ quan, đơn vị nêu trên.

- **Chương II:** gồm 03 điều (từ Điều 4 đến Điều 6) quy định cụ thể về trách nhiệm, quyền hạn của Sở Nội vụ; của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; của UBND cấp huyện.

- **Chương III:** gồm 4 điều (từ Điều 7 đến Điều 10) quy định về trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định của các cơ quan, đơn vị, địa phương; điều khoản chuyên tiếp; xử lý vi phạm; bổ sung, điều chỉnh.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành kể từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/6/2024, Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu xin thông báo./.

**Nơi nhận:**

- Cục phổ biến, giáo dục pháp luật – Bộ Tư pháp
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các sở, ban, ngành, tổ chức cấp tỉnh;
- Báo Lai Châu;
- Đài PTTH tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (để đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh)
- UBND các huyện, Thành phố;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT sở Tư pháp (đăng tải);
- Lưu: VP, PBGDPL.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Thanh Hải**